

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2026/LĐ – ST

Ngày: 06/8/2026

V/v “*Tranh chấp về đơn phương
chấm dứt hợp đồng lao động*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Thị Minh Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Vũ Kim Liên;
- Ông Vũ Trung Kiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ ngày 27 tháng 7 đến ngày 06 tháng 8 năm 2026 tại Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2026/TLST-LĐ ngày 18 tháng 11 năm 2025 về việc “*Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 694/2026/QĐXXST-LĐ ngày 22 tháng 6 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 472/2026/QĐST-LĐ ngày 09 tháng 7 năm 2026, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Hồ Quang T, sinh năm 1992

Căn cước công dân số: 079092028175 cấp ngày 10/7/2021

Địa chỉ thường trú: A L, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ trước đây là A L, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Bị đơn: Công ty TNHH I.

Địa chỉ trụ sở chính: 1 Q, Phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ trước đây số A Q, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân V, sinh năm 1987.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ông Hồ Quang T trình bày:

Từ ngày 05/8/2025 ông và công ty TNHH I có phát sinh quan hệ lao động. Ông và Công ty TNHH I thỏa thuận ông làm công việc bình phim, vận hành máy in, máy bế cắt tem với mức lương cơ bản 7.500.000 đồng/tháng (bằng chữ: Bảy triệu năm trăm nghìn đồng/tháng), tiền trách nhiệm 2.000.000 đồng/tháng (Bằng

chữ: hai triệu đồng/tháng), phụ cấp nghiệp vụ đứng máy in – demi (nếu có) 1.400.000 (Bằng chữ: Một triệu bốn trăm nghìn đồng/tháng) và KPI theo doanh số, sản lượng mỗi tháng.

Hàng tháng Công ty trả lương cho ông T bằng hình thức chuyển khoản.

Trong quá trình làm việc, ông hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Ngày 24/11/2025, ông T nhận được thông tin cho thôi công việc do không thống nhất trong vấn đề tăng ca giữa ông và ông Nguyễn Xuân V.

Hành vi vi phạm của công ty là sa thải sai luật.

Nay ông T yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bồi thường cho ông toàn bộ thiệt hại đã xảy ra theo đúng quy định pháp luật, cụ thể:

Tiền lương tháng 11 còn thiếu: 2.930.000 đồng (hai triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng)

Tiền bồi thường 02 tháng lương: 21.800.000 đồng (bằng chữ hai mươi một triệu tám trăm nghìn đồng).

Tổng số tiền yêu cầu bồi thường: 24.730.000 đồng (hai mươi bốn triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng).

-Ngày 15/7/2026 ông T có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu trả tiền lương tháng 11 còn thiếu: 2.930.000 đồng (hai triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng).

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

2/ Tại Bản tự khai đề ngày 16/3/2026 bị đơn Công ty TNHH I trình bày:

Khoảng thời gian đầu tháng 8/2025, Công ty TNHH I ("Công ty") và ông Hồ Quang T ("ông T") thỏa thuận làm việc theo chế độ thử việc trước khi ký hợp đồng lao động chính thức.

Trong quá trình thử việc, bộ phận quản lý phản ánh ông T thường xuyên không thực hiện đúng mô tả công việc, không tuân thủ hướng dẫn của quản lý, dẫn đến sai sót liên quan đến hàng hóa, ảnh hưởng tiến độ và chất lượng sản phẩm, gây thiệt hại cho Công ty.

Dù đã được nhắc nhở và tạo điều kiện thêm thời gian để điều chỉnh, đến ngày 24/11/2025, ông T tiếp tục thể hiện thái độ chống đối, công khai không hợp tác nên Công ty quyết định kết thúc thử việc từ ngày 25/11/2025 và không ký kết hợp đồng lao động với ông T.

Ngày 25/11/2025, ông T đến Công ty và có hành vi lớn tiếng chửi bới, xúc phạm, đe dọa gây hoang mang, lo sợ cho người lao động đang làm việc tại Công ty. Công ty ghi nhận hành vi này qua hệ thống camera và có các nhân viên tại Công ty trực tiếp chứng kiến.

Theo Thông báo thụ lý số 126/TB -TLVA ngày 31/12/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh, ông T khởi kiện yêu cầu buộc Công ty TNHH I bồi thường cho ông T toàn bộ thiệt hại. Cụ thể:

Tiền lương tháng 11/2025 còn thiếu: 2.930.000 đồng;

Tiền bồi thường hai tháng lương: 21.800.000 đồng;

Tổng số tiền yêu cầu bồi thường: 24.730.000 đồng.

Đối với các yêu cầu khởi kiện của ông T buộc Công ty bồi thường thiệt hại là không có cơ sở bởi tại thời điểm ông T nghỉ việc, ông T vẫn đang trong giai đoạn thử việc, chưa ký kết hợp đồng lao động chính thức nên Công ty không có nghĩa vụ phải báo trước và không phải bồi thường cho ông T, căn cứ theo Khoản 2 Điều 27 Bộ luật Lao động năm 2019: "Trong thời gian thử việc, mỗi bên có quyền hủy bỏ hợp đồng thử việc hoặc hợp đồng lao động đã giao kết mà không cần báo trước và không phải bồi thường".

Công ty không đồng ý ký kết hợp đồng lao động với ông T sau thời gian thử việc bởi ông T không tuân thủ chỉ đạo, không làm theo hướng dẫn, có thái độ chống đối, đã được nhắc nhở và cho thời gian điều chỉnh nhưng không cải thiện. Khi kết thúc thời gian thử việc, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán các chế độ cho ông T theo thỏa thuận và theo quy định pháp luật.

Bản chất sự việc là kết thúc thử việc và không giao kết hợp đồng lao động do người thử việc không đạt yêu cầu, nên lập luận cho rằng Công ty sa thải trái pháp luật của ông T là không đúng bản chất.

Mặt khác, kèm theo đơn khởi kiện, đối với các tài liệu kèm theo, ông T vẫn chưa cung cấp được chứng cứ cho thấy giữa ông T và Công ty có ký kết hợp đồng lao động chính thức - cơ sở cho rằng Công ty sa thải trái pháp luật.

Do đó, Công ty không đồng ý đối với các yêu cầu khởi kiện của ông T.

Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn lần thứ hai xét xử nhưng bị đơn vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn và bị đơn đều khai có thỏa thuận với nhau về việc nguyên đơn làm việc tại Công ty TNHH I. Nguyên đơn cho rằng bị đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật và yêu cầu bị đơn phải bồi thường. Do đó, đây là tranh chấp lao động giữa người lao động với người sử dụng lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Xét nội dung yêu cầu khởi kiện có căn cứ xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là: "Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động".

Bị đơn có địa chỉ trụ sở chính tại phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ trước đây là Phường A, quận T) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng :

- Căn cứ Giấy uỷ quyền ngày 28/01/2026 của bị đơn uỷ quyền cho ông Nguyễn Văn N, bà Trịnh Thị Khánh L nhưng ngày 16/3/2026 và ngày 23/4/2026 ông N và bà L đã gửi Thông báo chấm dứt uỷ quyền vì vậy ông Nguyễn Văn N,

bà Trịnh Thị Khánh L không còn tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn.

-Căn cứ Phiếu cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên số 0316226229 đăng ký lần đầu ngày 31/3/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 18/6/2025 xác định ông Nguyễn Xuân V là người đại diện theo pháp luật hợp pháp của bị đơn.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy, Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[3.1] Xét nguyên đơn tự nguyện rút 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu trả tiền lương tháng 11 còn thiếu: 2.930.000 đồng; căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu trả tiền lương tháng 11 còn thiếu là 2.930.000 đồng.

[3.2] Xét yêu cầu khởi kiện trả hai tháng lương là 21.800.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy;

- Xét lời khai của nguyên đơn khai từ ngày 05/8/2025 giữa ông T và Công ty TNHH I có phát sinh quan hệ lao động và bị đơn khai đầu tháng 08/2025 giữa Công ty TNHH I với ông Hồ Quang T có thỏa thuận về việc ông T sẽ làm việc tại Công ty TNHH I theo chế độ thử việc trước khi ký hợp đồng lao động chính thức.

Xét lời khai nguyên đơn là ngày 24/11/2025 ông T nhận được thông tin Công ty TNHH I cho ông nghỉ làm việc và lời bị đơn khai ngày 24/11/2025, ông T thể hiện thái độ chống đối, công khai không hợp tác nên Công ty quyết định kết thúc thử việc từ ngày 25/11/2025 và không ký kết hợp đồng lao động với ông T. Do đó mặc dù hai bên không có ký kết hợp đồng lao động thử việc nhưng các bên đã thừa nhận có làm việc vì vậy giữa ông T và Công ty TNHH I đã phát sinh quan hệ lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Bộ luật lao động 2019.

-Xét căn cứ Điều 25 Bộ luật lao động năm 2019 quy định :

“Thời gian thử việc do hai bên thỏa thuận căn cứ vào tính chất và mức độ phức tạp của công việc nhưng chỉ được thử việc một lần đối với một công việc và bảo đảm điều kiện sau đây:

1. Không quá 180 ngày đối với công việc của người quản lý doanh nghiệp theo quy định của , ;

2. Không quá 60 ngày đối với công việc có chức danh nghề nghiệp cần trình độ chuyên môn, kỹ thuật từ cao đẳng trở lên;

3. Không quá 30 ngày đối với công việc có chức danh nghề nghiệp cần trình độ chuyên môn, kỹ thuật trung cấp, công nhân kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ;

4. Không quá 06 ngày làm việc đối với công việc khác”.

Xét bản tự khai của nguyên đơn khai công việc ông T và Công ty TNHH I, ông T làm công việc bình phim, vận hành máy in, máy bẻ cắt tem. Theo quy định tại Điều 25 Bộ luật lao động thì thời gian thử việc tối đa Công ty TNHH I được đề nghị ông T làm thử việc là 60 ngày. Tuy nhiên, ông T làm việc từ ngày 05/8/2025 đến 24/11/2025 đã quá thời gian thử việc theo quy định pháp luật mà Công ty TNHH I không ký hợp đồng lao động là bị đơn vi phạm điều 20, điều 25 và điều 27 Bộ luật lao động năm 2019; đồng thời hết thời gian thử việc theo quy định tại Điều 25 Bộ luật lao động năm 2019, bị đơn không ký hợp đồng lao động nhưng nguyên đơn vẫn tiếp tục làm việc thì mặc nhiên xem như giữa nguyên đơn và bị đơn đã xác lập quan hệ hợp đồng lao động theo quy định tại các điều 13, 14 và Điều 20 Bộ luật Lao động năm 2019.

Xét bị đơn cho rằng nguyên đơn thường xuyên không thực hiện đúng mô tả công việc, không tuân thủ hướng dẫn của quản lý, dẫn đến sai sót liên quan đến hàng hóa, ảnh hưởng tiến độ và chất lượng sản phẩm, gây thiệt hại cho Công ty. Ngoài ra, ông T còn có thái độ chống đối, công khai không hợp tác nên Công ty quyết định kết thúc thử việc từ ngày 25/11/2025 và không ký kết hợp đồng lao động với ông T nhưng bị đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình.

Vì vậy căn cứ Điều 39 Bộ luật Lao động năm 2019 việc bị đơn chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn là đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.

-Xét thấy do bị đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật nên căn cứ khoản 1 Điều 41 Bộ luật lao động năm 2019 quy định: *“Phải nhận người lao động trở lại làm việc theo hợp đồng lao động đã giao kết; phải trả tiền lương, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong những ngày người lao động không được làm việc và phải trả thêm cho người lao động một khoản tiền ít nhất bằng 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động”;*

-Xét lời khai của nguyên đơn lương mỗi tháng 10.900.000 đồng, yêu cầu bồi thường 2 tháng tiền lương là 21.800.000 đồng, lời khai bị đơn khai chỉ không đồng ý bồi thường 2 tháng tiền lương nhưng không phản đối mức lương mỗi tháng là 10.900.000 đồng. Đồng thời căn cứ tin nhắn zalo giữa nguyên đơn và bị đơn do nguyên đơn cung cấp và quá trình bị đơn chuyển khoản trả tiền lương thể hiện mức lương hàng tháng do các bên thỏa thuận là phù hợp với lời khai của nguyên đơn; vì vậy nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn 02 tháng tiền lương tương ứng số tiền: 10.900.000 đồng x 2 tháng = 21.800.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 02 tháng tiền lương là 21.800.000 đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí lao động sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí là 654.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng

dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, ông Hồ Quang T được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, miễn tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 32, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và Điều 228, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025;

- Căn cứ các Điều 13, 14, 20, 25, 27, 39 và Điều 41 của Bộ luật lao động năm 2019;

- Căn cứ Điều 1, Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 06 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn ông Hồ Quang T:

Buộc Công ty TNHH I phải trả cho ông Hồ Quang T 02 tháng lương là 21.800.000 đồng (hai mươi một triệu, tám trăm nghìn đồng)

Trả một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành chưa thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu trả tiền lương tháng 11 là 2.930.000 đồng.

2. Về án phí lao động sơ thẩm:

Ông Hồ Quang T được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

Công ty TNHH I phải chịu án phí là 654.000 đồng (sáu trăm năm mươi bốn ngàn đồng).

3. Về thời hạn kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 36 và Điều 71 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND KV4- TP.HCM;
- Phòng THADS KV4;
- Dương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Từ Thị Minh Tú